

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 4 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1989; nơi ĐKKTT: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Anh T hiện nay đang lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ cụ thể (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên quá trình chung sống anh chị dần phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị có lối sống, quan điểm, cách dạy con khác nhau. Bên cạnh đó, anh T còn chơi bời nợ nần nên mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng căng thẳng. Năm 2021, anh chị cùng sang Đài Loan lao động, do mỗi người làm việc ở một công ty khác nhau, sống xa nhau nên vợ chồng ít có cơ hội gặp nhau mà chủ yếu liên lạc với nhau qua điện thoại, anh T nghi ngờ chị H ngoại tình nên mỗi khi nói chuyện vợ chồng thường xảy ra tranh cãi. Đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm khi anh T chơi bời nợ nần và yêu cầu chị H đưa tiền để trả nợ, chị H không đưa thì anh T còn dọa giết chị. Tháng 6/2023, chị H trở về Việt Nam để chăm sóc con cái, anh T vẫn lao động tại Đài Loan. Chị H nhận thấy cuộc hôn nhân của chị và anh T không hạnh phúc, anh chị không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh T.

Về con chung: Chị và Anh Phạm Anh T có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 19/11/2014 và cháu Phạm Thị Như Q, sinh ngày 20/10/2018. Hiện nay, chị đang nuôi dưỡng, chăm sóc cả 2 cháu. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng T, tự lập; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, vợ chồng anh chị không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ: Vợ chồng anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đào Thị N trình bày:

Con gái bà là Chị Nguyễn Thị H đang giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con với Anh Phạm Anh T. Do anh T đang đi làm tại Đài Loan không rõ địa chỉ nên khi ly hôn chị H xin nuôi cả 2 con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 19/11/2014 và cháu Phạm Thị Như Q, sinh ngày 20/10/2018. Để có tiền nuôi hai con vào tháng 3/2024 chị H đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trước khi đi làm, chị H đã uỷ quyền cho bà chăm sóc nuôi dưỡng 2 con là cháu Phạm Ngọc T và cháu Phạm Thị Như Q cho đến khi chị H về Việt Nam, hàng tháng chị H có trách nhiệm gửi tiền về cho bà để nuôi hai cháu. Hiện tại, cháu T và cháu Q đang ở ổn định cùng với bà, cháu T đang học tại trường Tiểu học Thanh Tân, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm và cháu Q đang học tại trường mầm non Thanh Tân, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm. Trường hợp Tòa án giao cho chị H nuôi dưỡng cháu T và cháu Q thì bà nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng 2 cháu cho đến khi chị H về Việt Nam thì bà sẽ bàn giao 2 cháu lại cho chị H nuôi dưỡng theo quy định, bà không yêu cầu gì đối với chị H.

Ý kiến của bà Lương Thị L là mẹ đẻ anh T trình bày: Anh T và chị H đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống cùng gia đình nhà chồng. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến 2021 cả hai cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình anh chị chung sống tại Đài Loan có mâu

thuần hay không, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình không năm được. Anh T và chị H sinh được hai con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh năm 2014 và cháu Phạm Thị Như Q sinh năm 2018, hiện các cháu đang ở cùng chị H.

Anh T từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay chưa về lần nào, hiện nay anh T vẫn đang ở Đài Loan, nhưng địa chỉ cụ thể thì anh T không cho bà biết. Khi Tòa án thụ lý việc chị H xin ly hôn anh T bà có thông báo cho anh T biết và anh T nói khi nào về Việt Nam sẽ đến Tòa án để giải quyết theo pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Anh T; về con chung: Giao cháu cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 19/11/2014 và cháu Phạm Thị Như Q, sinh ngày 20/10/2018 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 4/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Tạm giao cháu T và cháu Q cho Bà Đào Thị N (mẹ đẻ của chị H) chăm sóc trong thời gian chị H đi lao động tại Nhật Bản, khi chị H về Việt Nam bà N phải có trách nhiệm giao cháu T và cháu Q cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Anh T đang sống và lao động tại Đài Loan nên việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh T và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại công văn số 29816/QLXNC-P3 ngày 08/11/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện: Anh Phạm Anh T có thông tin xuất cảnh ngày 07/3/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Chị H và mẹ của anh T là bà Lương Thị L đều cung cấp anh T đang sống ở Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho anh T được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời Tòa án đã 02 lần yêu cầu mẹ đẻ anh T là bà Lương Thị L cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan và thông báo cho anh T biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Anh T không gửi bản tự khai và vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày

26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Phạm Anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa : Chị H, bà N vắng mặt nhưng có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị lối sống, quan điểm, cách dạy con khác nhau, anh T chơi bời nợ nần, vợ chồng anh chị đi làm xa nhau ít có thời gian gặp gỡ, anh T nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên mỗi khi nói chuyện vợ chồng thường xảy ra tranh cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm khi anh T chơi bời nợ nần và yêu cầu chị H đưa tiền để trả nợ, chị H không đưa thì anh T còn dọa giết chị. chị H trở về Việt Nam để chăm sóc con cái, anh T vẫn lao động tại Đài Loan. Chị H nhận thấy cuộc hôn nhân của chị và anh T không hạnh phúc, chị và anh T không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 19/11/2014 và cháu Phạm Thị Như Q, sinh ngày 20/10/2018, hiện nay 2 cháu đang ở cùng Bà Đào Thị N (mẹ đẻ của chị H). Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu trưởng T, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hiện nay anh T đang lao động tại Đài Loan không rõ địa chỉ cụ thể và nguyện vọng của cháu Phạm Ngọc T nên căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 19/11/2014 và cháu Phạm Thị Như Q, sinh ngày 20/10/2018 cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu 2 cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Tạm giao cho Bà Đào Thị N (mẹ đẻ của chị H) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu Q trong thời gian chị H đi lao động tại Nhật Bản, khi chị H về Việt Nam bà N phải có trách nhiệm giao cháu T và cháu Q cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định

[3.3] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị H xác định chị và anh T không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng không đặt ra xem xét.

Vì anh T đang ở Đài Loan không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh T, chị H phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 19/11/2014 và cháu Phạm Thị Như Q, sinh ngày 20/10/2018 cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, Anh Phạm Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Tạm giao cho Bà Đào Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 19/11/2014 và cháu Phạm Thị Như Q, sinh ngày 20/10/2018 trong thời gian chị H lao động tại Nhật Bản. Khi chị H về Việt Nam sinh sống, bà N có trách nhiệm giao lại cháu T và cháu Q cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp anh T có tranh chấp về con chung, tài sản chung, công nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000002 ngày 26/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thanh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San